

MỨC ĐỘ HÀI HÒA GIỮA CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM VÀ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN QUỐC TẾ VỀ DOANH THU VÀ CHI PHÍ ĐI VAY

 Đặng Thu Hà* - Nguyễn Thị Quỳnh Anh**
Phạm Thị Tú Anh** - Phạm Thanh Phương**

Nhận: 24/06/2023

Biên tập: 25/06/2023

Duyệt đăng: 15/07/2023

Tóm tắt

Bài viết này nghiên cứu mức độ hài hòa giữa Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) và Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IAS/IFRS) về doanh thu và chi phí đi vay. Cụ thể, các cặp chuẩn mực được nghiên cứu là VAS 14 – IFRS 15 và VAS 16 – IAS 23. Các tác giả đã sử dụng đồng thời phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, để trả lời các câu hỏi nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra sự hài hòa giữa VAS và IAS/IFRS đối với doanh thu và chi phí đi vay, thông qua chỉ số đo lường (M-DJCS), chỉ số khai báo thông tin (D-DJCS) và chỉ số tổng hợp (O-DJCS). Cụ thể, kết quả đo lường 03 chỉ số này cho hai cặp tiêu chuẩn nghiên cứu, như sau: VAS14 - IFRS15 (58,06/67,00/58,31); VAS16 - IAS23 (71,63/100,00/72,64).

Từ khóa: VAS 14 (Doanh thu và thu nhập khác), IFRS15 (Doanh thu từ hợp đồng với khách hàng), VAS 16/IAS 23 (Chi phí đi vay).

Abstract

This article examines the level of harmonization between Vietnamese Accounting Standards (VAS) and International Accounting Standards (IAS/IFRS) regarding revenue and borrowing costs. Specifically, the study investigates the following pairs of standards: VAS 14 – IFRS 15 and VAS 16 – IAS 23. The authors employed both qualitative and quantitative research methods to address the research questions. The research findings revealed the harmonization between VAS and IAS/IFRS in terms of revenue and borrowing costs through measurement index (M-DJCS), disclosure index (D-DJCS), and overall index (O-DJCS). Specifically, the measurement results for these three indices for the two pairs of standards are as follows: VAS14 - IFRS15 (58.06/67.00/58.31) and VAS16 - IAS23 (71.63/100.00/72.64).

Keywords: VAS 14 (Revenue and other income), IFRS 15 (Revenue from contracts with customers), VAS 16/IAS 23 (Borrowing costs).

JEL Classifications:

DOI: <https://doi.org/10.59006/vnfa-jaa.07200325>

1. Giới thiệu

Thời đại của sự hòa hợp quốc tế và của các chuẩn mực kế toán, hiện đang là nền tảng đúng đắn và yêu cầu về sự hội tụ quốc tế của các chuẩn mực kế toán càng trở nên cấp thiết. Điều đó, bắt nguồn từ một số các nguyên nhân như: xu hướng toàn cầu hóa kinh tế, sự phát triển nhanh chóng của các công ty đa quốc gia và hoạt động đầu tư quốc tế nhằm thúc đẩy sự hội tụ quốc tế của các chuẩn mực kế toán.

Cho đến nay, IASC và IASB đã ban hành và điều chỉnh 41 IAS/IFRS IAS và 16 Chuẩn mực báo cáo tài

chính (BCTC) Quốc tế IFRS được sử dụng là ngôn ngữ chính chung trên toàn cầu để có thể có những so sánh trong BCTC giữa các quốc gia trên thế giới. Việt Nam cũng không đứng ngoài trong công cuộc toàn cầu hoá kinh tế này. Cùng với phát triển toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam cũng đang từng bước đi lên và hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới. Tuy nhiên, với tình hình đất nước hiện nay đang gặp nhiều khó khăn và khác biệt trong quá trình hội nhập cũng như tiếp cận

những cái mới, làm sao để “hòa nhập” chứ không “hòa tan”? Mức độ hòa hợp giữa VAS với IAS/IFRS và BCTC quốc tế như thế nào? Đó là những câu hỏi mà các nhà nghiên cứu cần giải đáp để VAS có thể đi đến hội tụ với IAS/IFRS.

Trong bài viết này, nhóm tác giả đi sâu vào nghiên cứu mức độ hài hòa giữa VAS và IAS/IFRS về doanh thu và chi phí đi vay. Cụ thể, nghiên cứu mức độ hài hòa giữa các cặp chuẩn mực:

*Khoa Kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

**SV Lớp Đại học Kiểm toán 1- K16 - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

- Chuẩn mực về doanh thu và thu nhập (VAS 14 - IFRS 15)
- Chuẩn mực về chi phí đi vay (VAS 16 - IFRS 23).

2. Khái niệm và phân loại hài hòa trong kế toán

2.1. Khái niệm “Hài hòa kế toán”

Nói về sự hài hòa kế toán, Van der Tas (1988) cho rằng: “Hài hòa là sự kết hợp và điều chỉnh của hai hay nhiều đối tượng. BCTC là mục tiêu của sự hài hòa. Để hài hòa được BCTC phải xây dựng được các tiêu chuẩn. Do đó, các chuẩn mực kế toán cũng chính là đối tượng của sự hài hòa. Quá trình hài hòa là sự chuyển hóa từ trạng thái đa dạng hoàn toàn các phương pháp kế toán sang trạng thái hài hòa. Có nghĩa là, sự hình thành tập trung vào một số ít các phương pháp kế toán”.

Theo FASB cho rằng, “Sự hài hòa nhằm mục đích giảm thiểu sự khác biệt của các nguyên tắc kế toán ở các thị trường vốn lớn trên thế giới”.

Còn theo Trần Quốc Thịnh (2018) nhận định, “Hài hòa IAS/IFRS là quá trình gia tăng mức độ thống nhất trong chuẩn mực kế toán và thực tế giữa các quốc gia, cho phép giảm sự khác biệt về kế toán giữa các quốc gia và gia tăng sự linh hoạt trong thực tế”.

Cùng với đó, tác giả Phạm Văn Thoại (2017) đưa ra ý kiến rằng, “Hòa hợp kế toán là tiến trình loại bỏ sự khác biệt hoàn toàn giữa hai hay nhiều đối tượng (các đối tượng ở đây bao gồm: các nguyên tắc và luật lệ được quy định trong luật, trong chuẩn mực kế toán, trong các văn bản khác có tính chất tương tự của các quốc gia, các nguyên tắc được quy định trong các IAS/ IFRS

và các nguyên tắc được áp dụng trong thực tế kế toán tại các DN). Trạng thái hòa hợp được nhận biết thông qua sự tập trung vào một hoặc vài phương pháp, có thể lựa chọn của các đối tượng được nghiên cứu.

2.2. Phân loại hài hòa kế toán

Trong nghiên cứu “Measuring harmonisation of financial reporting practice” của Van der Tas (1992), “Hài hòa chuẩn mực kế toán và hài hòa thực tế kế toán cần được nghiên cứu dưới hai góc độ là hài hòa về mặt công bố thông tin (Disclosure harmonization) và hài hòa về mặt đo lường (Measurement harmonization), trong đó:

Hài hòa về mặt đo lường: là hài hòa về phương pháp kế toán được lựa chọn. Mục tiêu của hài hòa chuẩn mực kế toán về đo lường là tránh hoặc loại bỏ các chuẩn mực mâu thuẫn hoặc khác biệt cơ bản. Mục tiêu của hài hòa thực tế kế toán về đo lường là tăng tính có thể so sánh được của BCTC.

Hài hòa về mặt công bố thông tin: là hài hòa về mức độ khai báo thông tin (số lượng và chi tiết của các thông tin được trình bày trên BCTC). Mục tiêu của hài hòa thực tế về công bố thông tin, là các BCTC của các công ty cùng công bố một số các thông tin xác định ở cùng một mức độ chi tiết xác định, mức độ khai báo thông tin này được xem như mức độ khai báo thông tin tối thiểu mà tất cả các BCTC phải đáp ứng được.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thang đo lường mức độ hài hòa chuẩn mực kế toán

Trong nghiên cứu của bài viết này, kế thừa thang đo về mức độ

hài hòa giữa VAS và IAS/FRS của các tác giả Rahman, Perera và Ganeshanandam (1996, 2002), mức độ hài hòa của VAS với IAS và IFRS được định lượng thông qua 03 chỉ số về mặt hài hòa, đó là: Chỉ số hài hòa về mặt đo lường (M-DJCS), Khai báo thông tin (D-DJCS) và Tổng hợp (O-DJCS).

Việc đánh giá các chỉ số này, nhóm tác giả kế thừa ý nghĩa của thang đo theo các nghiên cứu của Xiaohui Qu & Guohua Zhang (2010).

3.2. Các chỉ số phản ánh mức độ hài hòa về đo lường, khai báo thông tin và tổng hợp được xác định cho từng chuẩn mực, như sau:

Chỉ số đo lường mức độ hài hòa:

$$M-DJCS = \frac{\text{Tổng sub-score của các mục đo lường thuộc chuẩn mực}}{\text{Tổng số mục tối đa thuộc về đo lường của chuẩn mực}}$$

Chỉ số hài hòa về khai báo thông tin kế toán:

$$D-DJCS = \frac{\text{Tổng sub-score của các mục khai báo thông tin thuộc chuẩn mực}}{\text{Tổng số mục tối đa thuộc về khai báo thông tin của chuẩn mực}}$$

Chỉ số tổng hợp mức độ hài hòa:

$$O-DJCS = \frac{\text{Tổng sub-score của các mục thuộc chuẩn mực}}{\text{Tổng số mục tối đa thuộc chuẩn mực}}$$

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Mức độ hài hòa giữa VAS và IAS/IFRS về mặt đo lường

Chuẩn mực về doanh thu và thu nhập (VAS 14 – IFRS 15)

Bảng 1: Ý nghĩa các chỉ số được sử dụng trong bài nghiên cứu

Chỉ số	Ý nghĩa
0	VAS và IAS/ IFRS hoàn toàn không tương đồng
0,33	VAS và IAS/ IFRS hầu như không tương đồng, tồn tại đa số điểm khác nhau.
0,67	VAS và IAS/ IFRS hầu như tương đồng, vẫn tồn tại thiểu số điểm khác nhau.
1	VAS và IAS/ IFRS hoàn toàn tương đồng nhau.

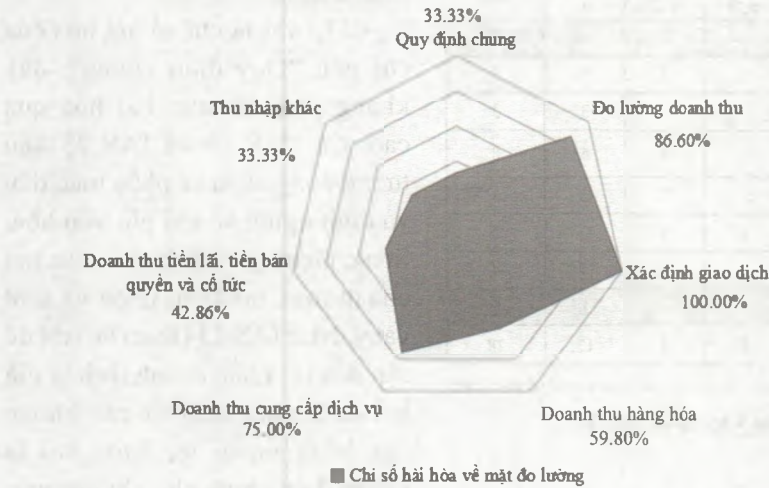
(Nguồn: Xiaohui Qu & Guohua Zhang, 2010)

Bảng 2: Tổng hợp kết quả định lượng của VAS 14 và IFRS 15

Danh mục	Phần trăm tương đồng	Chỉ số đánh giá				Tổng số mục
		0	0.33	0.67	1	
Đo lường	58,06%	11	5	1	18	35
Quy định chung	33,33%	3	1	1	1	6
Xác định doanh thu	86,60%		1		4	5
Nhận biết giao dịch	100,00%				1	1
Doanh thu bán hàng	59,80%		3		2	5
Doanh thu cung cấp dịch vụ	75,00%	2			6	8
Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia	42,86%	4			3	7
Thu nhập khác	33,33%	2			1	3
Trình bày BCTC	67,00%			1		1
Tổng	58,31%	11	5	2	8	36

(Nguồn: nhóm tác giả tự tính toán và thực hiện)

Biểu đồ 1: Chỉ số hài hòa về mặt đo lường của VAS 14 và IFRS 15



(Nguồn: nhóm tác giả tự tính toán và thực hiện)

Do sự không đồng nhất trong cách tiếp cận ghi nhận doanh thu nên việc đưa VAS 14 và IFRS 15 vào để so sánh là không hề dễ dàng. Bởi vậy, nhóm tác giả lấy các khoản mục trong VAS 14 làm hệ quy chiếu, để có cơ sở so sánh và đánh giá khách quan. Cụ thể, các điều mục trong VAS 14 được xem

xét thông qua 5 bước xác định doanh thu của IFRS 15. Từ đó, đánh giá mức độ tương đồng giữa chúng. Kết quả định lượng được trình bày tại Bảng 2. Dựa trên tính toán định lượng, Biểu đồ 1 sẽ trực quan hóa mức độ hài hòa về mặt đo lường của cặp Chuẩn mực VAS 14 và IFRS 15.

Biểu đồ 1 chỉ ra rằng, mức độ hài hòa của cặp Chuẩn mực VAS 14 và IFRS 15 nằm ở mức trung bình, mức giao động của chỉ số hài hòa từ 33,33% đến 100% và chỉ số về mặt đo lường chỉ đạt ngưỡng 58,06%.
Cụ thể, các khoản mục về “Đo lường doanh thu” (86,60%), “Xác định giao dịch” (100,00%) và “Doanh thu cung cấp dịch vụ” (75,00%) nằm ở mức cao, thể hiện sự hòa hợp tương đối giữa cặp chuẩn mực đem ra so sánh. Tuy vậy, vẫn còn có những khác biệt trọng yếu cần được lưu ý trong quá trình chuyển đổi VAS sang IFRS. Trong đó, IFRS yêu cầu đo lường tiến độ thực hiện dịch vụ theo phương pháp đầu ra và phương pháp đầu vào. Cụ thể, phương pháp đầu ra đo lường trực tiếp giá trị đối với khách hàng của hàng hóa hoặc dịch vụ đã chuyển giao đến thời điểm hiện tại, so với giá trị hàng hóa hoặc dịch vụ cam kết còn lại theo hợp đồng; còn phương pháp đầu vào cho phép ghi nhận doanh thu trên cơ sở nỗ lực hoặc yếu tố đầu vào của đơn vị, để hoàn thành một nghĩa vụ thực hiện, so với tổng số yếu tố đầu vào dự kiến để hoàn thành nghĩa vụ thực hiện đó.
Những khác biệt trọng yếu trong quá trình ghi nhận doanh thu còn tồn tại trong quá trình xác định và ghi nhận doanh thu hàng hóa, mục này chỉ đạt mức chỉ số hài hòa về mặt đo lường là 59,80%; trong khi IFRS 15 nhấn mạnh, vào thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa thì VAS 14 lại yêu cầu ghi nhận tại thời điểm chuyển giao, phần lớn rủi ro gắn liền với hàng hóa được đem bán. “Quy định chung” là một trong hai mục có

mức chỉ số hài hòa thấp nhất, tương đương chỉ đạt 33,33% về mặt đo lường. Theo đó, IFRS 15 xây dựng nguyên tắc ghi nhận doanh thu dựa theo quy trình 5 bước cốt lõi xuất phát từ hợp đồng, giao dịch với khách hàng. Trong khi đó, VAS 14 lại hướng dẫn tiếp cận ghi nhận doanh thu theo hướng trực diện hơn theo bản chất loại doanh thu đó. Vậy nên, những chênh lệch này tạo ra mức hài hòa thấp. Cũng ở mức hài hòa 33,33%, các khoản thu nhập khác gần như không được đề cập tới trong IFRS 15. Trong khi đó, VAS 14 mô tả kỹ về các khoản thu nhập khác này.

Chuẩn mực về Chi phí đi vay (VAS 16 – IAS 23)

Khi nghiên cứu về Chuẩn mực về Chi phí đi vay giữa VAS 16 và IAS 23, nhóm tác giả đo lường được chỉ số tổng hợp (O-DJCS) mức độ hòa hợp giữa 2 chuẩn mực này là khá cao (72,6%). Trong đó, chỉ số hài hòa về mặt đo lường (M-DJCS) là 71,6%, còn chỉ số về mặt khai báo thông tin (D-DJCS) thì hoàn toàn tương đồng nhau (100%). Nhóm tác giả thu nhập được dữ liệu định tính và tổng hợp kết quả, tại Bảng 3.

Biểu đồ 2 được đưa ra, nhằm trực quan hóa mức độ hài hòa về mặt đo lường giữa VAS 16 và IAS 23. Qua Biểu đồ 2, chúng ta có thể nhìn thấy rất rõ tính nhất quán giữa hai Chuẩn mực VAS 16 và IAS 23

qua chỉ tiêu Chấm dứt vốn hóa (100%) và ghi nhận Chi phí đi vay (100%).

- Đầu tiên, về ghi nhận Chi phí đi vay: cả hai chuẩn mực đều quy định rõ, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang vào nguyên giá của tài sản đó và doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai, do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay này có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

- Thứ hai, về chỉ tiêu “Chấm dứt vốn hóa”: cả VAS 16 và IAS 23 đều quy định rất rõ, việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

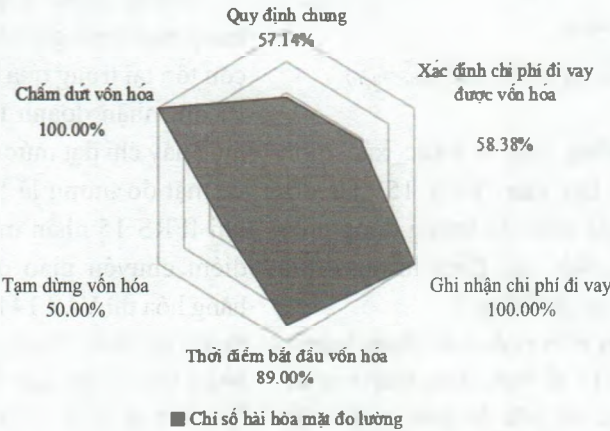
- 57,14% là chỉ số hài hòa của chỉ tiêu “Quy định chung”, đây không phải là mức hài hòa quá cao. Cả VAS 16 và IAS 23 đều tương đồng nhau về phần mục tiêu và định nghĩa về chi phí vốn hóa. Song, phần các thành phần của hai chuẩn mực lại khác nhau về một vài ý. Như IAS 23 (Điều 06) thì đề cập đến (e) phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các khoản vay bằng ngoại tệ, được coi là khoản điều chỉnh cho chi phí vay, còn VAS 16 lại không có đề cập đến vấn đề đó. Ngược lại, VAS 16 (Điều 04) thì đề cập đến (b) phần phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội phát sinh liên quan đến những khoản vay do phát hành trái phiếu và (c) phần phân bổ các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, trong khi IAS 23 thì không đề cập đến khoản mục đó.

Bảng 3: Tổng hợp kết quả định lượng của VAS 16 và IAS 23

Danh mục	Phần trăm tương đồng	Chỉ số đánh giá				Tổng số mục
		0	0.33	0.67	1	
Đo lường	71.6%	5	2	4	16	27
Quy định chung	57.14%	2	1	1	3	7
Ghi nhận Chi phí đi vay	100.00%				3	3
Xác định Chi phí đi vay được vốn hóa	58.38%	3		1	4	8
Thời điểm bắt đầu vốn hóa	89.00%			1	2	3
Tạm dừng vốn hóa	50.00%		1	1		2
Chấm dứt vốn hóa	100.00%				4	4
Trình bày trên BCTC	100.00%				1	1
TỔNG	72.6%	5	2	4	17	28

(Nguồn: nhóm tác giả tự tính toán và thực hiện)

Biểu đồ 2: Chỉ số hài hòa về mặt đo lường của VAS 16 và IAS 23



(Nguồn: nhóm tác giả tự tính toán và thực hiện)

Nhóm tác giả xác định được chỉ số hài hòa chỉ tiêu “Xác định chi phí đi vay được vốn hóa” ở mức không cao (58,38%). Trong đó, cả VAS 16 và IAS 23 đều giống nhau về mặt mục đích và xác định chi phí đi vay được vốn hóa, được sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang.

Thời điểm bắt đầu vốn hóa, nhóm tác giả đánh giá được mức độ hòa hợp khá là cao (89%). Đồng nghĩa rằng, VAS 16 và IAS 23 chỉ khác biệt ở 1 phần rất nhỏ. Trong phần “Chi phí cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang”, VAS 16 đã loại bỏ phần các khoản trợ cấp hoặc hỗ trợ liên quan đến tài sản, nhưng IAS 23 lại yêu cầu đưa khoản mục đó vào và sẽ ghi nhận giá trị tài sản đó.

Chỉ số hài hòa thấp nhất thông qua tính toán về mặt đo lường thuộc về chỉ tiêu “Tạm dừng vốn hóa” (chỉ đạt 50%). Trong đó, điều kiện để ghi nhận việc tạm dừng vốn hóa có một số điểm khác nhau. Cụ thể, VAS 16 quy định việc tạm dừng sẽ diễn ra trong trường hợp cần thiết, đó là khi quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn một cách bất thường. Tuy nhiên, IAS 23 lại không tạm ngừng vốn hóa khi sự trì hoãn tạm thời là một phần cần thiết, hoặc trong trường hợp chi phí lãi vay sẽ được thực hiện các công việc về kỹ thuật và quản lý quan trọng.

4.2. Mức độ hài hòa giữa VAS và IAS/IFRS về khai báo thông tin

Chuẩn mực về Doanh thu và thu nhập (VAS 14 – IAS 18/IFRS 15)

Tỷ lệ hài hòa về mặt khai báo thông tin của hai Chuẩn mực VAS 14 và IFRS 15 đạt 66,67%. Điều

này là do, VAS 14 yêu cầu doanh nghiệp trình bày thu nhập khác và cụ thể các thu nhập bất thường, nhưng vì phần thu nhập khác không được đề cập đến trong IFRS 15, nên đây là điểm khác nhau trong BCTC. Tuy nhiên, IFRS 15 lại yêu cầu thuyết minh các thông tin về các khoản lỗ do suy giảm giá trị nào được ghi nhận, còn VAS 14 lại không đề cập đến.

Bằng việc thay thế IAS 18 bởi IFRS 15, đã làm tăng thêm mức độ hài hòa giữa VAS và IAS/IFRS, từ 33,5% tăng lên đạt 66,67%. Điều này đã làm tăng thêm ít nhiều sự thuận lợi trong quá trình chuyển đổi IAS/IFRS của nước ta.

Chuẩn mực về Chi phí đi vay (VAS 16 – IAS 23)

Về mặt trình bày thông tin, mức độ hòa hợp giữa VAS 16 và IAS 23 được đánh giá là hoàn toàn tương đồng nhau (100%). Cả hai chuẩn mực này đều phải trình bày trên BCTC khoản tổng số chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ, tỷ lệ vốn hoá được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ.

4.3. Mức độ hài hòa giữa VAS và IAS/IFRS về chỉ số tổng hợp

Nhìn chung, chỉ số hài hòa tổng hợp của các cặp chuẩn mực được đem ra so sánh chỉ đạt mức khá. Cụ thể, kết quả nghiên cứu được tổng hợp, tại Bảng 4.

Dễ dàng nhận thấy, chỉ số hài hòa tổng hợp O-DJCS không đều (58,31% và 72,64%), tuy vậy không có cặp chuẩn mực nào có chỉ số này thuộc mức đáng lo ngại

(0 - 25%). Đây cũng là khởi đầu tốt, làm tiền đề giúp cho quá trình chuyển đổi VAS sang IAS/ IFRS trở nên thuận lợi hơn.

Cặp chuẩn mực về Doanh thu VAS 14 – IFRS 15 chỉ đạt 58,31% về chỉ số tổng hợp O-DJCS. Đây không phải một con số thấp, tuy nhiên đây chưa phải một con số thể hiện mức độ hài hòa cao. Điều này có thể lý giải, bởi chỉ số hài hòa về mặt đo lường và khai báo thông tin của cặp chuẩn mực này đều chỉ đạt 58,06% và 67,00%, thấp hơn rất nhiều với các chỉ số của cặp chuẩn mực về Chi phí đi vay cũng được nghiên cứu trong bài này.

Về cơ bản, IFRS 15 với 5 bước ghi nhận doanh thu mang tính khái quát hơn, đã tạo nên những khoảng bất đồng trong ghi nhận doanh thu so với cách ghi nhận cụ thể của IAS 14. Vậy nên, việc có những trang bị nhất định về cả nguồn lực và chuyên môn là vô cùng cấp thiết. Ngoài ra, VAS 14 nhắc đến rất nhiều các khoản thu nhập khác, tuy nhiên các khoản này không được đề cập đến trong IFRS 15. Do đó, trong quá trình chuyển đổi, doanh nghiệp cần có những tìm hiểu để phân loại và ghi nhận các khoản thu nhập khác này một cách hợp lý và chính xác. Nhìn chung, đây sẽ là cặp chuẩn mực đòi hỏi sự chuẩn bị kỹ càng về mọi mặt, trước khi các doanh nghiệp bắt đầu bước chân vào quá trình chuyển đổi sang IAS/ IFRS tại Việt Nam.

Bảng 4: Tổng hợp kết quả chỉ số nghiên cứu

Cặp chuẩn mực so sánh	Nội dung	Chỉ số đo lường		
		M-DJCS (%)	D-DJCS (%)	O-DJCS (%)
IFRS 15 – VAS 14	Doanh thu và thu nhập	58,06	67,00	58,31
IAS 23 – VAS 16	Chi phí đi vay	71,63	100,00	72,64

(Nguồn: nhóm tác giả tự tính toán và thực hiện)

Đối với Chuẩn mực Chi phí đi vay, chỉ số hài hoà về mặt tổng hợp O-DJCS ở mức tương đối cao, với 72,64%. Đó là, về mặt đo lường các chỉ tiêu có chỉ số hài hoà ở mức tương đối và mức cao. Có thể nói, điểm khác biệt dẫn đến chỉ số này là bởi IAS 23 có một vài mục nhỏ liên quan đến trường hợp “giá trị ghi sổ hoặc toàn bộ chi phí ước tính để có được tài sản dở dang vượt quá giá trị có thể thu hồi hoặc giá trị thuần” mà VAS 16 không đề cập tới. Trong khi đó, bên VAS 16 nhắc đến trường hợp “Phần phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội phát sinh liên quan đến những khoản vay do phát hành trái phiếu” và “Phần phân bổ các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay” IAS 23 lại không có phần đó. Về mặt trình bày, cả hai Chuẩn mực VAS 16 – IAS 23 đều tương đồng nhau về cách trình bày. Qua đó có thể thấy rằng, tuy mức độ hài hòa của cặp chuẩn mực này đang nằm ở ngưỡng tương đối cao. Song, việc chủ động trang bị những kiến thức và nguồn lực là cấp thiết vẫn cần được chú trọng.

5. Kết luận

Trên cơ sở lý thuyết IAS/IFRS và VAS, cùng với lý thuyết về khái niệm, phân loại hài hòa kế toán, nghiên cứu đã được tiến hành nhằm đo lường mức độ hài hòa giữa VAS và IAS/IFRS liên quan đến doanh thu và chi phí đi vay. Quốc tế hóa kế toán là yêu cầu tất yếu của quá trình toàn cầu hóa kinh tế và thị trường vốn. Việc hài hòa IAS/IFRS và hội tụ quốc tế với chuẩn mực kế toán quốc gia đã trở thành xu hướng phát triển tất yếu của nền kinh tế toàn cầu. Mục tiêu của hội tụ kế toán quốc tế, là tìm ra những cách phù hợp để làm việc cùng nhau nhằm xây dựng một hệ thống tiêu chuẩn kế toán chất lượng cao toàn cầu. Hội tụ là một quá trình tương tác dần dần, đòi hỏi các quốc gia hay khu vực phải nỗ lực không ngừng trong quá trình triển khai các vấn đề, cũng như có sự hiểu biết và chuẩn bị đầy đủ về mọi mặt. Một hệ thống chuẩn mực kế toán chất lượng cao được chấp nhận toàn cầu, không chỉ nhằm duy trì, thúc đẩy sự ổn định và phát triển kinh tế toàn cầu có lợi mà còn vì sự phát triển lành mạnh của nền kinh tế mỗi quốc gia và hội nhập vào hệ thống kinh tế thế giới. ■

Tài liệu tham khảo

- Bộ Tài chính. (2001). VAS số 14: Doanh thu và thu nhập khác. Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC.
- Bộ Tài chính. (2002). VAS số 16: Chi phí đi vay. Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC.
- Bộ Tài chính. (2021). Công bố bản dịch Chuẩn mực BCTC Quốc tế phiên bản năm 2019 ra tiếng Việt.
- Pacter, P. (2016). Pocket Guide to IFRS Standards: The Global Financial Reporting Language. London: IFRS Foundation.
- Thoại, P. V. (2017). Sự hòa hợp giữa VAS và Quốc tế trong trình bày BCTC. Luận văn Đại học, Trường Đại học Tây Đô.
- Trần Quốc Thịnh, N. T. (2018). Đánh giá mức độ hội tụ giữa VAS và Chuẩn mực Quốc tế về Kế toán. Tạp chí Công thương, số 10 (2018), 378- 383.
- Rahman, A., H. Perera, and S. Ganeshanandam. 1996. Measurement of Formal Harmonisation in Accounting: An Exploratory Study. Accounting & Business Research 26 (4): 325-339.
- Rahman, A., Perera, H., & Ganesh, S. (2002). Accounting Practice Harmony, Accounting Regulation and Firm Characteristics. Abacus, 38(1), 46-77.
- Rodrigues, L. L., & Craig, R. (2007). Assessing international accounting harmonization using Hegelian dialectic, isomorphism and Foucault. Critical Perspectives on Accounting, 18(6), 739-757.
- Xiaohui Qu & Guohua Zhang (2010). Measuring the convergence of national accounting standards with international financial reporting standards: The application of fuzzy clustering analysis. The International Journal of Accounting. Volume 45, Issue 3, 334-355.

Tiếp theo trang 122

Rapina, R. (2014). Factors Influencing The Quality of Accounting Information System And Its Implications on The Quality of Accounting Information. Research Journal of Finance and Accounting, 5(2).

Romney M. B & Steinbart P. J. (2015). Accounting Information System, 13th Edition. UK: Pearson Education, Inc.

Romney, M., Steinhart, P., Mula, J., McNamara, R, & Tonkin, T. (2012). Accounting Information Systems Australasian Edition. Pearson Higher Education AU.

Sri Dewi Anggadini (2014), “The effect of top management support and in-

ternal control of the accounting information systems quality and its implications on the accounting information quality”, proceedings of 2nd international conference on economics and social sciences (ICESS-2014).

Stewart, G.L. & Brown, K.G. (2011). Human resource management - linking strategy to practice. John Wiley & Sons, Inc;

Yukl, G. (2010). Leadership in organizations. New Jersey-USA: Pearson prentice Hall;

Zulaikha (2019). The antecedents and consequences of accounting information system Implementation: An empirical study on MSMEs in semarang city, advances in economics, Business and management research, volume 102.